

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiểm tra và đánh giá kiến thức của học sinh về:

+ Số học:

- Tập hợp
- Tập hợp các số tự nhiên
- Phép cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên
- Lũy thừa với số mũ tự nhiên
- Thứ tự thực hiện các phép tính.
- Quan hệ chia hết. Tính chia hết. Dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9.
- Số nguyên tố; Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

+ Hình học:

- Hình vuông
- Hình lục giác đều
- Hình chữ nhật
- Hình thoi

- Kiểm tra kiến thức của học sinh từ đó đánh giá lại chất lượng dạy và học nhằm rút kinh nghiệm trong việc dạy học.

2. Năng lực:

- NL giải quyết vấn đề, NL quan sát, NL tư duy, NL tổng hợp kiến thức, ...

3. Phẩm chất:

- Học sinh có ý thức vươn lên trong học tập, làm việc nghiêm túc, cần cù, trung thực.

II. Ma trận đề kiểm tra

MẠCH KIẾN THỨC	NĂNG LỰC	CẤP ĐỘ TƯ DUY			CẤP ĐỘ TƯ DUY			Tổng
		TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN			TỰ LUẬN			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1. Tập hợp các số tự nhiên.	Tư duy và lập luận Toán học	1 0,25						1 0,25
	Giải quyết vấn đề Toán học	1 0,25						1 0,25
	Mô hình hóa Toán học							

2. Các phép tính với số tự nhiên	Tư duy và lập luận Toán học	1 0,25			2 1	4 2		7 2,75
	Giải quyết vấn đề Toán học				1 2			1 2
	Mô hình hóa Toán học						1 0,5	1 0,5
3. Quan hệ chia hết – Tính chất chia hết	Tư duy và lập luận Toán học					1 0,5		1 0,5
	Giải quyết vấn đề Toán học	2 0,5						2 0,5
	Mô hình hóa Toán học							
4. Hình	Tư duy và lập luận Toán học	1 0,25			1 0,5			2 0,75
	Giải quyết vấn đề Toán học		1 0,25			1 1	1 0,5	3 1,75
	Mô hình hóa Toán học		1 0,25					1 0,25
Tổng số câu		6	2		4	6	2	20
Tổng điểm		1,5	0,5		3,5	3,5	1	10

III. Bảng đặc tả (đính kèm trang sau)

IV. Nội dung đề kiểm tra (đính kèm trang sau)

V. Hướng dẫn chấm và biểu điểm (đính kèm trang sau)

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: TOÁN 6- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung chính	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Tập hợp các số tự nhiên.	– Nhận biết được tập hợp, tập hợp các số tự nhiên.	I.1,2			2 0,5đ
2	Các phép tính với số tự nhiên.	– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính.	I.6 II.1a; 2a	II.1b,c; 2b,c	II.4;5	9 5,75đ
3	Tính chất chia hết. Ước và bội	-Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.	I.3,4	II.2d		3 1đ
4	Hình	- Nhận biết: được một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi. - Thông hiểu: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với chu vi và diện tích các hình.	I.7 II.4a	I.5,8 II.4b	II.4c	6 2,75đ
Tổng			3đ	4đ	3đ	10đ
Tỉ lệ %			30%	40%	30%	100%

ĐỀ 01 (Đề gồm 02 trang)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước đáp án đúng cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Tập hợp các chữ cái có trong từ TOÁN HỌC là:

A. {T; O; A; N; H; O; C}

B. {T; O; A; N}

C. {H; O; C}

D. {T; O; A; N; H; C}

Câu 2. Cho M là tập hợp các số tự nhiên lẻ nhỏ hơn 7. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $6 \in M$

B. $5 \notin M$

C. $7 \in M$

D. $5 \in M$

Câu 3. Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là:

A. 1; 2; 3; 4; ...; 9; 10

B. 1; 3; 5; 7; 9

C. 1; 2; 3; 5; 7

D. 2; 3; 5; 7

Câu 4. Trong các tổng sau, tổng nào chia hết cho 5:

A. $200 + 21$

B. $123 + 24$

C. $1.2.5 + 20$

D. $9 + 38$

Câu 5. Một hình vuông có diện tích 25cm^2 . Chu vi của hình vuông là:

A. 10cm

B. 15cm

C. 20cm

D. 25cm

Câu 6. Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là:

A. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$

B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$

C. $\{ \} \rightarrow () \rightarrow []$

D. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$

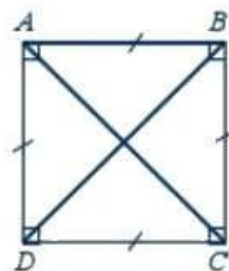
Câu 7. Đặc điểm nào dưới đây **không phải** là tính chất của hình vuông ABCD ?

A. $AB = BC = CD = DA$

B. AD và BC song song với nhau

C. $AD = AC$

D. Hai đường chéo bằng nhau



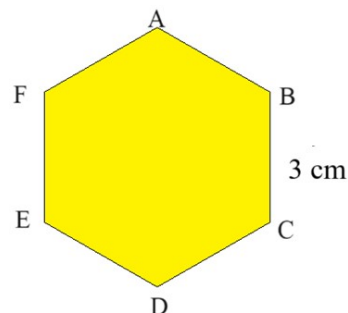
Câu 8. Độ dài đường chéo chính của của khu vườn hình lục giác đều ABCDEF có kích thước như hình vẽ dưới đây, ta được kết quả là:

A. 6cm

B. 12cm

C. 18cm

D. 24cm



PHẦN II. Tự luận (8 điểm). Học sinh làm bài 1 đến bài 6.

Bài 1 (1,5 điểm). Tính hợp lí (nếu có thể):

a) $45 + 432 + 155 + 17 + 168$

b) $25 - 5 \cdot [50 - (8 - 1)^2]$

c) $45.54 + 46.45$

Bài 2 (2 điểm). Tìm $x \in \mathbb{N}$ biết :

a) $28 - x = 12$

b) $3.x + 6 = 9^{15} : 9^{13}$

c) $3^x \cdot 2 + 15 = 33$

d) $x : 5$ và $4 < x \leq 15$

Bài 3 (2 điểm).

Mẹ Lan mang 500000 đồng vào siêu thị mua 2 kg khoai tây, 5 kg gạo và 2 nải chuối chín. Giá mỗi kg khoai tây là 20000 đồng, mỗi kg gạo là 30000 đồng, mỗi nải chuối là 15000 đồng. Hỏi mẹ Lan còn bao nhiêu tiền?

Bài 4 (2 điểm).

Sân nhà bạn Bình có dạng hình chữ nhật với chiều dài 10m, chiều rộng 8m.

a, Tính diện tích phần sân nhà bạn Bình?

b, Bố Bình mua loại gạch lát nền hình vuông có cạnh 50cm để lát sân. Hỏi cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát kín sân nhà Bình?

(Coi mạch nối giữa các viên gạch là không đáng kể)

c, Gạch không bán lẻ mà chỉ bán từng thùng. Biết rằng mỗi thùng có 4 viên gạch. Hỏi bố Bình cần mua bao nhiêu thùng gạch để lát đủ sân?

Bài 5 (0,5 điểm). Chứng minh rằng: $C = 5 + 5^2 + 5^3 + \dots + 5^8$ chia hết cho 30.

-----Hết-----

ĐỀ 01

I. Phần I (2 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	D	C	C	B	C	A

II. Phần II (8 điểm).

Bài	Đáp án	Biểu điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	a) $45+432+155+17+168$ $=(45+155)+(432+168)+17$ $=200+600+17$ $=817$	0,25đ 0,25đ
	b) $45.54+46.45=45.(54+46)$ $=45.100=4500$	0,25đ 0,25đ
	c) $25-5.[50-(8-1)^2]=25-5.[50-7^2]=25-5.1$ $=25-5=20$	0,25đ 0,25đ
Bài 2 (2 điểm)	a) $28-x=12$ $x=28-12$ $x=16$	0,25đ 0,25đ
	b) $3.x+6=9^{15}.9^{13}$ $3.x=81-6$ $x=25$	0,25đ 0,25đ
	c) $3^x.2+15=33$ $3^x=9$ $x=2$	0,25đ 0,25đ
	d) $x:5$ và $4<x\leq 15$ Vì $x:5$ nên $x\in B(5)=\{0;5;10;15;20...\}$ Mà $4<x\leq 15$ nên $x\in\{5;10;15\}$	0,25đ 0,25đ
Bài 3 (2 điểm)	Số tiền mẹ Lan đã mua là : $20\,000.2+30\,000.5+15\,000.2=220\,000$ (đồng)	1 đ
	Số tiền Mẹ Lan còn lại là : $500\,000-220\,000=280\,000$ (đồng)	1 đ
Bài 4 (2 điểm)	a) Diện tích của khu đất trồng là: $10.8=80\text{ (m}^2\text{)}=800000\text{ (cm}^2\text{)}$	0,5đ
	b) Diện tích 1 viên gạch là: $50.50=2500\text{ (cm}^2\text{)}$ Số viên gạch cần dùng là: $80000:2500=320$ (viên)	0,5đ 0,5đ

	c) Bô Bình cần mua số thùng gạch là: $320:4=80$ (thùng)	0,5đ
Bài 5 (0,5 điểm)	HS chứng minh $C:6$	0,25đ
	HS chứng minh $C:5$	
	Suy ra $C:30$	0,25đ

Chú ý: HS làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

ĐỀ 02 (Đề gồm 02 trang)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Tập hợp các chữ cái có trong từ HOA HỒNG là:

- A. {H; O; A; H; O; N; G} B. {H; O; A; N; G; Ô}
C. {H; O; A} D. {H; O; A; N; H; G}

Câu 2. Cho M là tập hợp các số tự nhiên lẻ nhỏ hơn 9. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $6 \in M$ B. $5 \notin M$ C. $9 \in M$ D. $5 \in M$

Câu 3. Các số nguyên tố lớn hơn 10 nhỏ hơn 20 là:

- A. 10;12;13;14;...;19;20 B. 11;13;15;17;19
C. 11;13;17;19 D. 12;13;15;17

Câu 4. Trong các tổng sau, tổng nào chia hết cho 3:

- A. $200 + 21$ B. $123 + 24$ C. $1.2.3 + 20$ D. $9 + 38$

Câu 5. Một hình vuông có diện tích 49cm^2 . Chu vi của hình vuông là:

- A. 14cm B. 15cm C. 20cm D. 28cm

Câu 6. Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là:

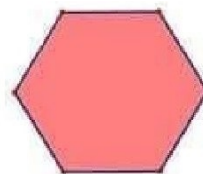
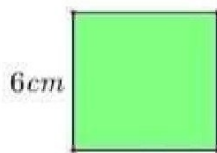
- A. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$ B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$
C. $\{ \} \rightarrow () \rightarrow []$ D. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$

Câu 7. Phát biểu nào sau đây là **sai**: Trong một hình thoi:

- A. Bốn cạnh bằng nhau
B. Hai đường chéo vuông góc với nhau
C. Bốn góc bằng nhau
D. Các cạnh đối song song với nhau

Câu 8. Một hình vuông và một hình lục giác đều có chu vi bằng nhau. Biết độ dài cạnh hình vuông bằng 6 cm, độ dài cạnh của lục giác đều bằng:

- A. 4cm B. 5 cm C. 6 cm D. 8 cm



PHẦN II. Tự luận (8 điểm). Học sinh làm bài 1 đến bài 6.

Bài 1 (1,5 điểm). Tính hợp lí (nếu có thể):

- a) $75 + 462 + 125 + 36 + 138$ b) $34.73 + 27.34$
c) $40 - 5.[20 - (9 - 5)^2]$

Bài 2 (2 điểm). Tìm $x \in \mathbb{N}$ biết :

- a) $32 - x = 25$ b) $36 : (x - 5) = 3^5 : 3^3$
c) $5 \cdot 2^x = 160$ d) $21 : x$ và $2 < x < 10$

Bài 3 (2 điểm).

Mẹ Mai mang 500000 đồng vào siêu thị mua 3 kg khoai tây, 7 kg gạo và 3 nải chuối chín. Giá mỗi kg khoai tây là 25000 đồng, mỗi kg gạo là 35000 đồng, mỗi nải chuối là 20000 đồng. Hỏi mẹ Mai còn bao nhiêu tiền?

Bài 4 (2 điểm).

Sân nhà bạn Hưng có dạng hình chữ nhật với chiều dài 15m, chiều rộng 12m.

a, Tính diện tích phần sân nhà bạn Hưng?

b, Bố Hưng mua loại gạch lát nền hình vuông có cạnh 40cm để lát sân. Hỏi cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát kín sân nhà Hưng? *(Coi mạch nối giữa các viên gạch là không đáng kể)*

c, Gạch không bán lẻ mà chỉ bán từng thùng. Biết rằng mỗi thùng có 5 viên gạch. Hỏi bố Hưng cần mua bao nhiêu thùng gạch để lát đủ sân?

Bài 5 (0,5 điểm). Chứng minh rằng: $C = 7 + 7^2 + 7^3 + \dots + 7^8$ chia hết cho 56.

-----Hết-----

UBND PHƯỜNG VIỆT HÙNG
TRƯỜNG THCS VIỆT HÙNG

ĐỀ CHÍNH THỨC

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút

Ngày kiểm tra: / /2024

Tiết theo KHDH: 26-27

ĐỀ 02

I. Phần I (2 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	C	B	D	B	C	A

II. Phần II (8 điểm).

Bài	Đáp án	Biểu điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	a) $75+462+125+36+138$ $= (75+125)+(462+138)+36$ $= 200 + 600 + 36$ $= 836$	0,25đ 0,25đ
	b) $34.73 + 27.34 = 34.(73 + 27)$ $= 34.100 = 3400$	0,25đ 0,25đ
	c) $40 - 5.[20 - (9 - 5)^2] = 40 - 5. [20 - 4^2] = 40 - 5.4$ $= 40 - 20 = 20$	0,25đ 0,25đ
	a) $32 - x = 25$ $x = 32 - 25$ $x = 7$	0,25đ 0,25đ
Bài 2 (2 điểm)	b) $36 : (x - 5) = 3^5 : 3^3$ $x - 5 = 36 : 9$ $x = 9$	0,25đ 0,25đ
	c) $5. 2^x = 160$ $2^x = 32$ $x = 5$	0,25đ 0,25đ

	d) $21 x$ và $2 < x < 10$ Vì $21 x$ nên $x \in U(21) = \{1; 3; 7; 21\}$ Mà $2 < x < 10$ nên $x \in \{3; 7\}$	0,25đ 0,25đ
Bài 3 (2 điểm)	Số tiền mẹ Mai đã mua là : $25\,000.3 + 35\,000.7 + 20\,000.3 = 380\,000$ (đồng) Số tiền Mẹ Mai còn lại là : $500\,000 - 380\,000 = 120\,000$(đồng)	1 đ 1 đ
Bài 4 (2 điểm)	a) Diện tích của khu đất trồng là: $15.12 = 180$ (m²) $= 1800000$ (cm²)	0,5đ
	b) Diện tích 1 viên gạch là: $40.40 = 1600$ (cm²) Số viên gạch cần dùng là: $180000:1600 = 1125$ (viên)	0,5đ 0,5đ
	c) Bố Hưng cần mua số thùng gạch là: $1125:5 = 225$ (thùng)	0,5đ
Bài 5 (0,5điểm)	HS chứng minh $C:8$ HS chứng minh $C:7$ Suy ra $C:56$	0,25đ 0,25đ

Chú ý: HS làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Cho M là tập hợp các số tự nhiên lẻ nhỏ hơn 6. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $6 \in M$ B. $5 \notin M$ C. $7 \in M$ D. $5 \in M$

Câu 2. Tập hợp các chữ cái có trong từ TOÁN HỌC là:

- A. {T; O; A; N; H; O; C} B. {T; O; A; N} C. {H; O; C} D. {T; O; A; N; H; C}

Câu 3. Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là:

- A. 1;2;3;4;...;9;10 B. 1;3;5;7;9 C. 1;2;3;5;7 D. 2;3;5;7

Câu 4. Trong các tổng sau, tổng nào chia hết cho 3:

- A. $200 + 21$ B. $123 + 24$ C. $1.2.4 + 20$ D. $9 + 38$

Câu 5. Một hình vuông có diện tích 36 cm^2 . Chu vi của hình vuông là:

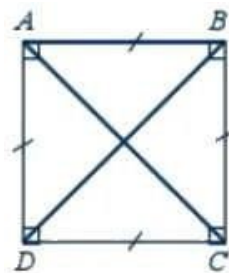
- A. 10cm B. 15cm C. 20cm D. 24cm

Câu 6. Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là:

- A. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$ B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$
C. $\{ \} \rightarrow () \rightarrow []$ D. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$

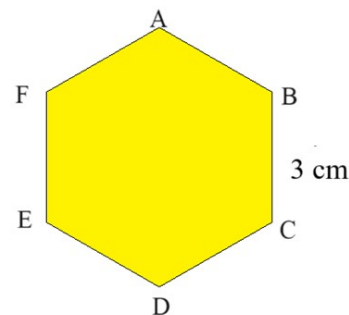
Câu 7. Đặc điểm nào dưới đây không phải là tính chất của hình vuông ABCD ?

- A. $AB = BC = CD = DA$
B. AD và BC song song với nhau
C. $AD = AC$
D. Hai đường chéo bằng nhau



Câu 8. Độ dài đường chéo chính của của khu vườn hình lục giác đều ABCDEF có kích thước như hình vẽ dưới đây, ta được kết quả là:

- A. 6cm B. 12cm
C. 18cm D. 24cm



PHẦN II. Tự luận (8 điểm). Học sinh làm bài 1 đến bài 6.

Bài 1 (1,5 điểm). Tính hợp lí (nếu có thể):

- a) $65 + 432 + 135 + 17 + 168$
b) $25 - 5 \cdot [40 - (8 - 2)^2]$
c) $45.56 + 44.45$

Bài 2 (2 điểm). Tìm $x \in \mathbb{N}$ biết :

a) $28 - x = 13$

b) $2.x + 7 = 9^5:9^3$

c) $2^x \cdot 3 + 11 = 35$

d) $x:5$ và $4 < x \leq 15$

Bài 3 (2 điểm).

Mẹ Lan mang 500000 đồng vào siêu thị mua 3 kg khoai tây, 5 kg gạo và 2 nải chuối chín. Giá mỗi kg khoai tây là 20000 đồng, mỗi kg gạo là 30000 đồng, mỗi nải chuối là 15000 đồng. Hỏi mẹ Lan còn bao nhiêu tiền?

Bài 4 (2 điểm).

Sân nhà bạn Bình có dạng hình chữ nhật với chiều dài 15m, chiều rộng 7m.

a, Tính diện tích phần sân nhà bạn Bình?

b, Bố Bình mua loại gạch lát nền hình vuông có cạnh 50cm để lát sân. Hỏi cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát kín sân nhà Bình? *(Coi mạch nối giữa các viên gạch là không đáng kể)*

c, Gạch không bán lẻ mà chỉ bán từng thùng. Biết rằng mỗi thùng có 4 viên gạch. Hỏi bố Bình cần mua bao nhiêu thùng gạch để lát đủ sân?

Bài 5 (0,5 điểm). Chứng minh rằng: $C = 6 + 6^2 + 6^3 + \dots + 6^8$ chia hết cho 42.

-----Hết-----

UBND PHƯỜNG VIỆT HÙNG
TRƯỜNG THCS VIỆT HÙNG

ĐỀ DỰ BỊ

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút

Ngày kiểm tra: 05 / 11 /2025

Tiết theo KHDH: 26-27

I. Phần I (2 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	D	B	D	B	C	A

II. Phần II (8 điểm).

Bài	Đáp án	Biểu điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	a) $65+432+135+17+168$ $= (65+135)+(432+168)+17$ $= 200 + 600 + 17$ $= 817$	0,25đ 0,25đ
	b) $45.56 + 44.45 = 45.(56 + 44)$ $= 45.100 = 4500$	0,25đ 0,25đ
	c) $25 - 5.[40 - (8 - 2)^2]$ $= 25 - 5. [40 - 6^2] = 25 - 5.4$ $= 25 - 20 = 5$	0,25đ 0,25đ
Bài 2 (2 điểm)	a) $28 - x = 13$ $x = 28 - 13$ $x = 15$	0,25đ 0,25đ
	b) $2.x + 7 = 9^5:9^3$ $2.x = 81 - 7$ $x = 24:2=12$	0,25đ 0,25đ
	c) $2^x \cdot 3 + 11 = 35$ $2^x \cdot 3 = 35 - 11$ $2^x \cdot 3 = 24$ $2^x = 8$ $x = 3$	0,25đ 0,25đ
	d) $x:5$ và $4 < x \leq 15$ Vì $x:5$ nên $x \in B(5) = \{0; 5; 10; 15; 20...\}$ Mà $4 < x \leq 15$ nên $x \in \{5; 10; 15\}$	0,25đ 0,25đ
Bài 3 (2 điểm)	Số tiền mẹ Lan đã mua là : $20\ 000.3 + 30\ 000.5 + 15\ 000.2 = 240\ 000$ (đồng) Số tiền Mẹ Lan còn lại là :	1 đ

	$500\,000 - 240\,000 = 260\,000$ (đồng)	1 đ
Bài 4 (2 điểm)	a) Diện tích của khu đất trồng là: $15.7 = 105\text{ (m}^2\text{)} = 1050000\text{ (cm}^2\text{)}$	0,5đ
	b) Diện tích 1 viên gạch là: $50.50 = 2500\text{ (cm}^2\text{)}$ Số viên gạch cần dùng là: $1050000:2500 = 420$ (viên)	0,5đ 0,5đ
	c) Bể Bình cần mua số thùng gạch là: $420:4 = 105$ (thùng)	0,5đ
Bài 5 (0,5 điểm)	HS chứng minh $C:6$	0,25đ
	HS chứng minh $C:7$	
	Suy ra $C:42$	0,25đ

Chú ý: HS làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

BGH duyệt

Tổ nhóm chuyên môn

Người ra đề

Kiều Thị Tâm

Vũ Minh Quang

Nguyễn Khánh Huyền

Nguyễn Thanh Mỹ